TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-PT
Ngày: 24/7/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phùng Anh Dũng

Các Thẩm phán: ông Trần Đức Kiên và ông Phạm Tồn

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 288/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Đào Thị Hải H về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HSST ngày 10/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Bị cáo có kháng cáo*: Đào Thị Hải H, sinh ngày 09/5/1985 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: số A C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Nguyên M và bà Nguyễn Thị H1; có chồng là Lê Thiện G (đã ly hôn) và 02 con sinh năm 2009 và năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 20/7/2023, hiện đang bị tạm giam. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Đào Thị Hải H*:*

+ Bà Trần Thị Thùy T - Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn K - Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình làm việc tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ (P) thành phố Đà Nẵng, từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2020, Đào Thị Hải H vay mượn tiền của nhiều người để làm dịch vụ đáo hạn nợ và mua bán kinh doanh bất động sản nhưng mất khả năng thanh toán các khoản vay, mượn. Từ đó, H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các đồng nghiệp làm trong Ngân hàng bằng cách vay tiền của người này rồi trả cho người khác, cũng có khi chi trả một phần vốn và lãi cho chính họ. Để vay được tiền, H đã nói dối mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, kinh doanh bất động sản và chi trả lãi suất cao từ 0,3-0,33%/ngày, tương đương 9-10%/tháng để tạo lòng tin của các đồng nghiệp. Với thủ đoạn nêu trên, H đã vay mượn rồi chiếm đoạt tiền, cụ thể:

Vụ thứ 1: Chiếm đoạt của vợ chồng bà** Lê Trần Cát T1**, ông** Trương Công D**:

Thời gian từ ngày 16/6/2020 đến ngày 18/01/2021, với thủ đoạn nêu trên Đào Thị Hải H đã nói dối Lê Trần Cát T1 là đồng nghiệp làm việc tại Ngân hàng P chi nhánh Đ1 đang cần tiền để làm đáo hạn ngân hàng, đặt cọc mua bất động sản để vay tiền. Tường tưởng thật, đồng ý cho vay và chuyển khoản cho H vay nhiều lần, vay rồi trả, trả rồi vay lại và thỏa thuận lãi suất từ 0,3% đến 0,34%/ngày, tương đương 9 đến 10%/tháng (tùy theo từng thời điểm) việc giao nhận tiền hoặc trả tiền hai bên đều thực hiện thông qua chuyển khoản và không viết giấy vay mượn.

Kết quả đối chiếu sao kê tài khoản số 265000005333 tại Ngân hàng P, tài khoản 19036315545019 tại Ngân hàng TMCP K1 (T3) của Lê Trần Cát T1, tài khoản 19036055473019 tại Ngân hàng T3 của Trần Công D1 với sao kê tài khoản 19035280853010 tại Ngân hàng T3 và Ngân hàng P của Đào Thị Hải H xác định: từ ngày 16/6/2020 đến ngày 18/01/2021 vợ chồng bà T1 đã cho H vay 61 lần với tổng số tiền 64.330.000.000 đồng. H đã trả nợ gốc 55 lần với tổng số tiền là 57.560.000.000 đồng, trả lãi 56 lần, với tổng số tiền 1.952.295.000 đồng.

Tổng số tiền H chiếm đoạt: 64.330.000.000 đồng - (57.560.000.000 đồng + 1.952.295.000 đồng) = 4.817.705.000 đồng (bốn tỉ, tám trăm mười bảy triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

Vụ thứ 2: Chiếm đoạt của bà** Lê Thị Yến N**:

Khoảng thời gian từ ngày 02/01/2020 đến 20/01/2021, Đào Thị Hải H nói dối với Lê Thị Yến N (đồng nghiệp) là đang cần tiền để làm đáo hạn ngân hàng, đặt cọc mua đất. N tưởng thật nên đồng ý cho H vay tiền nhiều lần, vay rồi trả, trả rồi lại vay và thỏa thuận lãi suất từ 0,3% đến 0,34%/ ngày, tương đương 9 đến 10%/ tháng (tùy theo từng thời điểm), việc giao nhận tiền vay và trả tiền đều thực hiện thông qua chuyển khoản, có một số lần bà N bận việc nhờ Trần Mạnh C (đồng nghiệp) chuyển khoản cho H giúp N, thời gian đầu trả đúng hẹn, riêng 03 lần vay sau cùng H viết giấy mượn tiền, cụ thể:

- Ngày 12/01/2021, H vay của bà N 2.700.000.000 đồng mục đích vay mua bất động sản, H cam kết 30 ngày sẽ trả nợ và ký giấy nhận tiền, nhưng đến hẹn không trả.

- Ngày 19/01/2021, H vay của bà N 1.500.000.000 đồng mục đích vay mua bất động sản, H cam kết 30 ngày sẽ trả nợ và ký giấy nhận tiền, nhưng đến hẹn trả nợ không trả.

- Ngày 20/01/2021, H vay của bà N 400.000.000 đồng mục đích vay mua bất động sản, H cam kết 30 ngày sẽ trả nợ và ký giấy nhận tiền, nhưng đến hẹn không trả.

Đầu tháng 01/2021 H bỏ việc tại ngân hàng, không trả nợ cho bà N.

Kết quả sao kê tài khoản số 10200413142, 554549999999 tại Ngân hàng P và tài khoản 23793877777 tại Ngân hàng TMCP S (SCB) của bà Lê Thị Yến N, tài khoản 19031083306010 tại Ngân hàng T3 của ông Trần Mạnh C với sao kê tài khoản 19035280853010 tại Ngân hàng T3 và tài khoản 107000005606 tại Ngân hàng P của bà Đào Thị Hải H. Thời gian vay tiền từ ngày 02/01/2020 đến ngày 20/01/2022 bà N, ông C đã chuyển khoản 66 lần cho H vay với tổng số tiền 77.390.000.000 đồng. H đã trả nợ gốc cho bà N 60 lần, tổng số tiền là 72.700.000.000 đồng. H trả lãi 63 lần, tổng số tiền 1.986.055.000 đồng.

Tổng số tiền H chiếm đoạt: 77.390.000.000 đồng - (72.700.000.000 đồng + 1.986.055.000 đồng) = 2.703.945.000 đồng (hai tỉ, bảy trăm lẻ ba triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Vụ thứ 3: Chiếm đoạt tiền của ông Hồ Mạnh C1***:***

Đào Thị Hải H và Lê Thị Thùy D2 (vợ ông Hồ Mạnh C1) cùng là đồng nghiệp với nhau, do hay qua lại chơi với nhau nên H biết Hồ Mạnh C1. H nhiều lần nói dối C1 cần tiền để làm đáo hạn nợ ngân hàng và đặt vấn đề vay tiền của C1, nghĩ H là đồng nghiệp với vợ mình nên tin tưởng đồng ý cho vay, hai bên thỏa thuận lãi 0,3%/ngày (tương đương 9%/tháng) việc giao nhận tiền vay trả, các bên đều thực hiện thông qua chuyển khoản, C1 không có tài khoản nên thông qua tài khoản của bà D2 để thực hiện, hai bên không viết giấy mượn tiền, tính đến ngày 18/01/2021, H còn nợ 490.000.000 đồng.

H thừa nhận còn nợ vợ chồng ông C1 khoảng 160.000.000 đồng và yêu cầu đối chiếu sao kê tài khoản để xác định.

Kết quả đối chiếu sao kê tài khoản 103000134233, 267000008666, 267000011387 tại Ngân hàng P của bà D2 và tài khoản sao kê 19035280853010 tại Ngân hàng T3 và tài khoản 107000005606 tại Ngân hàng P của bà H xác định: Từ ngày 15/5/2020 đến ngày 25/12/2020, C1 đã thông qua tài khoản của D2 chuyển khoản cho H vay 16 lần với tổng số tiền 1.650.000.000 đồng. H đã trả 08 lần tiền gốc, tổng số tiền 1.130.000.000 đồng và 16 lần tiền lãi với tổng số tiền 224.930.000 đồng. Tháng 4/2021, Đào Thị Hải H nộp vào tài khoản của bà D2 số tiền 50.000.0000 đồng.

Tổng số tiền H chiếm đoạt: 1.650.000.000 đồng - (1.130.000.000 đồng + 224.930.000 đồng + 50.000.000 đồng) = 245.070.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Vụ thứ 4: Chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Hoàng T2***, bà*** Đoàn Phương H2***:***

Bà Đoàn Phương H2 là đồng nghiệp và là bạn thân với Đào Thị Hải H, thời gian đầu H vay của H2 đã trả nợ xong. Thỉnh thoảng T2 cần vốn làm ăn có mượn tiền của H và ngược lại, việc mượn và trả tiền diễn ra trong thời gian ngắn khoảng vài ngày. Thời gian sau H cần tiền nên nói dối với T2 cần tiền làm đáo hạn ngân hàng và kinh doanh bất động sản. Do tin tưởng H nên T2 đã cho H mượn. H dùng khoản tiền mượn được của T2 trả lãi, vốn cho những người H vay trước đó. Đến khoảng tháng 01/2021 do thấy H không trả nên làm đơn tố cáo H chiếm đoạt 540.000.000 đồng.

H không thừa nhận và cho rằng trả hết nợ, yêu cầu đối chiếu sao kê tài khoản để xác định.

Đối chiếu sao kê tài khoản số 004100118969 tại Ngân hàng TMCP N1, tài khoản số 106000011666 Ngân hàng P của Nguyễn Hoàng T2, số tài khoản 108000006322 tại Ngân hàng P của Đoàn Phương H2 với tài khoản sao kê 19035280853010 tại Ngân hàng T3 và tài khoản 107000005606 tại Ngân hàng P của Đào Thị Hải H xác định: Từ ngày 30/10/2019 đến ngày 18/01/2021, T2 dùng tài khoản của mình chuyển tiền cho H vay tổng cộng 40 lần với tổng số tiền 3.974.000.000 đồng. Ngoài ra trước đó Đoàn Phương H2 cũng nhiều lần cho H vay tiền, đến hẹn H trả đầy đủ nên H2 và H không phát sinh nợ. Cùng thời gian trên H đã chuyển 23 lần trả nợ gốc tổng số tiền 3.393.000.000 đồng và chuyển trả cho T2 thông qua H2 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền H chiếm đoạt: 3.974.000.000 đồng – (3.393.000.000 đồng + 30.000.000 đồng) = 551.000.000 đồng (năm trăm, năm mươi mốt triệu đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HSST ngày 10/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Đào Thị Hải H phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đào Thị Hải H 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/7/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và công bố quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/5/2025 bị cáo Đào Thị Hải H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo, với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là quá nặng.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có nhiều nhận định không khách quan, tuyên bị cáo phạm tội oan. Luật sư cho rằng đây là quan hệ dân sự vay mượn làm ăn. Các cơ quan tiến hành tố tụng đã hình sự hóa quan hệ dân sự nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung và tuyên bị cáo không có tội.

- Kiểm sát viên đại diện cho Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HSST ngày 10/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Đào Thị Hải H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu chứng cứ khác, được thu thập có tại hồ sơ vụ án; do đó, có đủ căn cứ kết luận: từ cuối năm 2019 H đã đưa ra thông tin gian dối như cần tiền để đáo hạn ngân hàng, kinh doanh bất động sản, hứa hẹn trả mức lãi suất cao từ đó tạo lòng tin để vay mượn tiền của các ông bà: Lê Trần Cát T1, Lê Thị Yến N, Hồ Mạnh C1 và Nguyễn Hoàng T2. Sau khi nhận được tiền, H không thực hiện đáo hạn ngân hàng hay kinh doanh bất động sản mà dùng chính số tiền đã vay để trả một phần nợ gốc và trả lãi cho bị hại trước hoặc dùng để trả nợ cá nhân, tiêu dùng, mua sắm; việc vay tiền, trả lãi và trả gốc diễn ra trong một thời gian dài và đều được thực hiện qua tài khoản Ngân hàng; kết quả điều tra, đối chiếu sao kê các tài khoản Ngân hàng có liên quan giữa các bên, xác định:

- Tổng số tiền H nhận chuyển khoản của bị hại T1 + Danh từ ngày 16/6/2020 đến ngày 18/01/2021 là 64.330.000.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi H chuyển trả cho T1 + D1 là 59.512.295.000 đồng (gồm gốc là 57.560.000.000 đồng, lãi là 1.952.295.000 đồng), hiện còn chiếm đoạt số tiền **4.817.705.000** đồng.

- Tổng số tiền H nhận chuyển khoản của bị hại Yến N từ ngày 02/01/2020 đến ngày 20/01/2021 là 77.390.000.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi H chuyển trả cho Yến N là 74.686.055.000 đồng (gồm gốc là 72.700.000.000 đồng, lãi là 1.986.055.000 đồng), hiện còn chiếm đoạt số tiền **2.703.945.000** đồng.

- Tổng số tiền H nhận chuyển khoản của bị hại C1 từ ngày 15/5/2020 đến ngày 25/12/2020 là 1.650.000.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi H chuyển trả cho C1 là 1.418.430.000 đồng (gồm gốc là 1.130.000.000 đồng, lãi là 288.430.000 đồng), hiện còn chiếm đoạt số tiền **231.570.000** đồng.

- Tổng số tiền H nhận chuyển khoản của bị hại T2 + H2 từ ngày 30/10/2019 đến ngày 18/01/2021 là 3.974.000.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi H chuyển trả cho T2 + H2 là 3.423.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt số tiền **551.000.000** đồng;

Tổng cộng Đào Thị Hải H đã chiếm đoạt của 04 bị hại với số tiền là **8.304.220.000** đồng.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy:

Đào Thị Hải H nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì mục đích muốn có tiền trả nợ và sử dụng cá nhân, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại thông qua hình thức vay mượn hứa hẹn trả lãi suất cao; qua đó nhiều lần chiếm đoạt của các bị hại với số tiền 8.304.220.000 đồng, hiện mất hoàn toàn khả năng bồi thường. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, không những gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, mà còn gây thiệt hại nghiêm trọng đến vật chất và tinh thần cũng như đời sống của các bị hại; hành vi của bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; do đó cần xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá quá trình điều tra, truy tố, bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi và số tiền còn chiếm đoạt của các bị hại, việc cho rằng quan hệ giữa bị cáo với bị hại là giao dịch dân sự là do nhận thức pháp luật; khi bị bị hại đòi nợ và tố cáo thì bị cáo có tác động gia đình bồi thường số tiền 280.000.000 đồng cho các bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; đã ly hôn chồng và có 02 con nhỏ chưa thành niên; gia đình bị cáo có thân nhân là ông Đào Văn V1 là liệt sỹ được tặng bằng Tổ quốc ghi công nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt 18 năm tù là đã xem xét, chiếu cố cho bị cáo; mức hình phạt trên là không nặng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại với số tiền 20.000.000 đồng, thể hiện sự ăn năn, hối cải của bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới cần được xem xét, áp dụng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, như phân tích trên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra, nên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Đào Thị Hải H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Thị Hải H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đào Thị Hải H 18 (Mười tám) năm tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 20/7/2023.

3. Bị cáo Đào Thị Hải H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HSST ngày 10/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện CT&KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV thuộc Công an thành phố Đà Nẵng;
- CQCSĐT thuộc Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS thuộc thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Đà Nẵng (02 bản, 01 bản giao cho bị cáo Hiền);
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Anh Dũng